

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn vũ;

2. Ông Lê Hoà Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở toà án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi.

Thư ký Tòa án: Ông Trương Công Bình.

2. Những người tham gia tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người phiên dịch: Ông Phạm Văn X – Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hoá thể thao huyện B (phiên dịch tiếng Hre).

(Anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; chị P có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22/02/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:*

Chị P và anh T kết hôn vào ngày 30/3/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống tại địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nên chị P, anh T ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi ly hôn một thời gian, chị P, anh T cảm thấy vẫn còn tình cảm với nhau nên ngày 27/6/2019 chị P và anh T tiếp tục đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ quan điểm sống không hợp, anh T thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, không chăm sóc gia đình. Từ lúc kết hôn chị P, anh T nhiều lần cãi vã, do anh T chửi bới xúc phạm chị P thậm tệ, nhưng vì hạnh phúc gia đình chị P đều cố gắng chịu đựng tính tình anh T và một mình vun vén chăm sóc con cái vẹn toàn, đỉnh điểm là sau khi chị P, anh T cãi vã với nhau vào tháng 07/2022 thì anh T chửi bới và đánh chị P vì quá bức xúc với thái độ anh T nên chị dẫn con về nhà mẹ đẻ, thời gian chị P sinh sống ở đây thì chị P và anh T không còn quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị P và anh T có 03 người con chung, ngoài hai người con chung Phạm Triều A, sinh ngày 09/01/2013, Phạm Xuân T, sinh ngày 22/6/2008, sau khi đăng ký kết hôn lại vào năm 2019, chị P và anh T có thêm 01 người con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 25/11/2020. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, chị P và anh T đã thỏa thuận chị P nuôi dưỡng cháu Phạm Triều A, sinh ngày 09/01/2013, anh T nuôi dưỡng cháu Phạm Xuân T, sinh ngày

22/6/2008, nên nay chị P chỉ yêu cầu được nuôi cháu Phạm Minh T và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/04/2024 bị đơn anh Phạm Văn T khai:*

Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị P có tìm hiểu, quen biết và kết hôn vào ngày 27/06/2019 tại uỷ ban nhân dân xã Ba Liên như chị P trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó hay nảy sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh T và chị P đã ly thân hơn một năm. Nay chị P yêu cầu toà án giải quyết ly hôn với anh T thì anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh T và chị P có 01 người con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 25/11/2020, hiện con chung đang sinh sống cùng chị P. Nếu ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 48, 203 và 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203, 220, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị P ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 25/11/2020 cho chị Phạm Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P với anh Phạm Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Ngày 30/3/2008 chị P và anh T kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị P, anh T ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau đó, chị P và anh T tiếp tục kết hôn lại vào ngày 27/06/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn lại, chị P và anh T chung sống hạnh phúc, hoà thuận, tuy nhiên đến năm 2022 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ quan điểm sống không hợp, anh T thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, không chăm sóc gia đình, chị P và anh T nhiều lần cãi vã. Chị P dẫn con về nhà mẹ đẻ, cả hai đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T thì anh T đồng ý.

Xét thấy chị P và anh T đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, chị P và anh T đã thỏa thuận chị P nuôi dưỡng cháu Phạm Triều A, sinh ngày 09/01/2013, anh T nuôi dưỡng cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 22/6/2008. Sau khi đăng ký kết hôn lại, chị P và anh T

có thêm 01 người con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 25/11/2020. Nay chị P yêu cầu được nuôi cháu T và anh T cũng đồng ý với yêu cầu của chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Minh T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 22/6/2008, cháu Phạm Triều A, sinh ngày 09/01/2013 các đương sự không có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P với anh Phạm Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 25/01/2020 cho chị Phạm Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị P, anh Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000338 ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/7/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan